

Bản án số: 590/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị M Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 290/2024/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2024. Giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Huyền T, sinh năm: 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh Bàn S, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến thể hiện có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Huyền T trình bày: Chị và anh S tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bàn Thạch chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống không có hạnh phúc, anh S sống vô trách nhiệm. Vì nghĩ thương chồng, thương con chị đã cố gắng chịu đựng lựa lời khuyên nhưng anh S vẫn không sửa đổi. Nên xét thấy tiếp tục sống cũng không mang lại hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh S. Về con chung, chị và anh S có 01 con chung tên Bàn Gia M, sinh ngày 15/10/2018, hiện con đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là

1.500.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị rút lại yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn anh Bành S không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị T.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân S. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân S.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bàn Thạch chứng nhận kết hôn nên hôn nhân trên là hợp pháp. Chị T cho rằng anh S sống không có trách nhiệm, giữa vợ chồng không có hạnh phúc, bản thân chị cũng đã tạo điều kiện để anh S sửa đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy. Anh S biết được thông tin S việc nhưng cố tình vắng mặt không tham gia hòa giải chứng tỏ rằng anh S cũng không có thiện chí hàn gắn nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị T ly hôn anh S.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh S có một con chung tên Bành Gia M, sinh ngày 15/10/2018. Hiện cháu M sống với chị T, cháu M vẫn phát triển bình thường, chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Anh S không có ý kiến thể hiện S phản đối với yêu cầu của chị T nên yêu cầu trên của chị T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xử giao cháu Bành Gia M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Trần Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung với anh Bành S nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân S và anh S với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân S thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Trần Huyền T và anh Bàn S với tư cách là nguyên đơn, bị đơn trong vụ kiện, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp, phiên Tòa xét xử nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân S, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Huyền T và anh Bàn S tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, được chị T xác định không hạnh phúc, anh S sống vô trách nhiệm với gia đình, chị T cũng đã tạo điều kiện hàn gắn, lựa lời khuyên nhủ nhưng anh S vẫn không sửa đổi, từ đó làm phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể nào khắc phục được. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn anh S. Phía anh S biết được thông tin vụ việc nhưng cố tình vắng mặt qua các lần mời của Tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân S: *“Đương S phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho S phản đối đó”*. Xét thấy, kể từ thời điểm chị T gửi đơn tại Tòa, chị xác định đã không còn chung sống vợ chồng với anh S nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống vợ chồng của chị T và anh S không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Bản thân anh S cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh để hòa giải nhưng anh vắng mặt. Xét thấy, chị T và anh S đã không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh S.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh S cùng xác định có một con chung tên Bàn Gia M, sinh ngày 15/10/2018. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, phía anh S cũng không có ý kiến phản đối gì về việc nuôi con của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị T, xử giao cháu Bàn Gia M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình khởi kiện chị T có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng nhưng tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án, chị T rút lại yêu cầu này, chị xác định không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai được quyền cản trở.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng buộc chị T phải nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu tiền số 0002871 ngày 05/6/2024 của Chi cục thi hành án dân S huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân S; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Huyền T được ly hôn anh Bành S

2. Về con chung: Xử giao con chung Bành Gia M, sinh ngày 16/10/2018 cho chị Trần Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bành S không phải cấp dưỡng do chị T không yêu cầu. Anh Bành S có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); buộc chị T phải nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002871 ngày 05/6/2024 của Chi cục thi hành án dân S huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương S biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương S nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương S;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương